

Bản án số: 02/2019/DS-PT

Ngày: 06/3/2019

V/v Tranh chấp bồi thường thiệt
hại do tài sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Minh Hương

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Ngọc Hoa

2. Ông Hoàng Hữu Truyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ánh Dương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 06 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018, về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bé Đình D. Sinh năm 1972. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bé Đình T. Sinh năm 1961. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Ma Thị C. Sinh năm 1976. Có mặt.

Các đương sự đều có địa chỉ tại: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

4. *Người làm chứng:*

4.1. Ông Bé Đình T1. Có mặt.

4.2. Ông Nông Văn T2. Có mặt.

4.3. Ông Đình Thiện T3. Vắng mặt.

4.4. Anh Bé Đình T4. Có mặt.

Những người làm chứng đều có địa chỉ tại: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn Bé Đình D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Bé Đình D trình bày:

Ngày 14 tháng 10 năm 2015 ông Bé Đình T đã đổ thuốc độc xuống ao nhà ông làm chết hết số cá trong ao và làm nhiễm độc ao nên không thể tiếp tục nuôi cá. Ngày 15 tháng 10 năm 2015 hai bên đã làm biên bản thỏa thuận về việc bồi thường khắc phục hậu quả làm cá chết với số cân thực tế là 70kg. Ông T đã bồi thường cho ông D $70\text{kg} \times 120.000^{\text{đ}}/\text{kg} = 8.400.000^{\text{đ}}$ và tiền công thu cá chết cho các ông Bé Đình T1, Nông Văn T2, Đình Thiện T3, Bé Đình T4 mỗi người $200.000^{\text{đ}} \times 4 \text{ người} = 800.000^{\text{đ}}$. Tổng số tiền ông T bồi thường do cá của ao nhà ông D bị chết và công vớt cá là $9.200.000^{\text{đ}}$. Ngoài ra ông D còn nhiều lần yêu cầu ông T bồi thường thêm các khoản tiền khác nhưng đến nay ông T vẫn chưa bồi thường cho ông D thêm khoản tiền bồi thường nào.

Nay ông D yêu cầu ông T bồi thường cụ thể như sau:

- Nạo vét tiêu độc, khử trùng ao $504,7\text{m}^2 \times 200\text{m}^3 \times 262.000^{\text{đ}}/\text{m}^3 = 52.400.000^{\text{đ}}$.
- Cá giống: $30\text{kg} \times 150.000^{\text{đ}}/\text{kg} = 4.500.000^{\text{đ}}$.
- Tiền công đi lại và mất thời gian để xử lý công việc = $15.000.000^{\text{đ}}$.
- Thiệt hại do ao để trống từ ngày 14/10/2015 đến nay không nuôi trồng thủy sản được $900\text{kg} \times 80.000^{\text{đ}}/\text{kg} = 72.000.000^{\text{đ}}$.

Tổng số tiền thiệt hại ông D yêu cầu bồi thường là: $143.900.000^{\text{đ}}$ (Một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2018 và bản tự khai cùng ngày, cũng như các biên bản hòa giải vào các ngày 07/8/2018; 22/8/2018 bị đơn ông Bé Đình T trình bày:

Ngày 14/10/2015 do ông uống rượu không làm chủ được bản thân nên có đổ thuốc sâu xuống ao cá nhà ông Bé Đình D. Ông không có ý đổ thuốc sâu xuống ao cá nhà ông D mà chỉ là vô ý do say rượu. Đến ngày 15/10/2015 khi công an xã T gọi ông đến nhà ông Bé Đình D làm việc thì ông có thừa nhận hành vi đổ thuốc sâu xuống ao cá của gia đình ông Bé Đình D. Số cá bị chết thực tế được vớt từ ao ông D là 66kg (cả bùn), nhưng có một số cá chết ông D đã vớt trước đó nên hai bên thỏa thuận mức thiệt hại cá là $70\text{kg} \times 120.000^{\text{đ}}/\text{kg} \text{ cá} = 8.400.000^{\text{đ}}$. Do cá trong ao chết nên ông D phải thuê người tháo ao bắt cá nên hai bên thỏa thuận tiền công thuê người là $04 \text{ người} \times 200.000^{\text{đ}}/\text{người} = 800.000^{\text{đ}}$. Như vậy tổng số tiền bồi thường do cá chết và công thuê vớt cá mà hai bên thỏa thuận là $9.200.000^{\text{đ}}$. Nay ông D yêu cầu ông phải bồi thường số tiền là

143.900.000^d (Một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng) ông không nhất trí.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị C: Nhất trí với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Những người làm chứng Nông Văn T2, Bé Đình T1, Đình Thiện T3, Bé Đình T4: Điều xác nhận không được trực tiếp chứng kiến việc ông T đổ thuốc trừ sâu xuống ao của nhà ông D, tuy nhiên có được ông D thuê vớt cá dưới ao lên với tiền công là 200.000^d/người. Thời gian sau khi xảy ra sự việc đến nay không thấy ông D thả cá xuống ao đó nữa.

Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành xác minh và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng các bên không hòa giải được do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn áp dụng Điều 604; Điều 608 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bé Đình D về việc yêu cầu ông Bé Đình T phải bồi thường số tiền 143.900.000^d (Một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng) trong vụ án “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

2. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí, được miễn án phí.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, ông Bé Đình D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, ông Bé Đình D có ý kiến: Do ông Bé Đình T đổ thuốc trừ sâu xuống ao cá nhà ông D dẫn đến gia đình ông D bị thiệt hại nên yêu cầu ông T phải bồi thường cho ông D các khoản gồm: Tiền nạo vét, tiêu độc, khử trùng ao; tiền cá giống; tiền công đi lại và mất thu nhập do phải đi lại làm việc với các cơ quan chức năng; tiền do ao bỏ trống từ ngày 14/10/2015 đến nay không nuôi cá được với tổng số tiền là 143.900.000^d (Một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Bị đơn, ông Bé Đình T thừa nhận ngày 14/10/2015 do say rượu không làm chủ được bản thân nên có đổ thuốc trừ sâu loại thuốc trừ rầy nâu xuống ao

cá nhà ông D, tuy nhiên việc ông T đổ thuốc trừ sâu xuống ao nhà ông D có dẫn đến hậu quả nhà ông D bị thiệt hại về tài sản hay không thì không chứng minh được. Ông T bồi thường tiền cá chết và công vớt cá cho ông D là do muốn giữ gìn tình làng nghĩa xóm, chứ không phải là đã xác định hậu quả cá chết do ông T đổ thuốc trừ sâu xuống ao cá nhà ông D. Nay ông T không nhất trí số tiền bồi thường mà ông D yêu cầu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị C: Nhất trí như lời trình bày của nguyên đơn và không có yêu cầu gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ tài liệu và diễn biến tại phiên tòa, qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Tòa án và tại phiên tòa phúc thẩm đương sự không cung cấp được thêm tài liệu nào chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nên xét thấy kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ông Bé Đình D khởi kiện yêu cầu ông Bé Đình T bồi thường cho ông D số tiền 143.900.000^d (*Một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng*) do ông D cho rằng ông T đổ thuốc trừ sâu xuống ao cá của gia đình ông D dẫn đến bị thiệt hại về tài sản. Đây là “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”, theo quy định tại khoản 6 Điều 26, Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Bé Đình D: Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 13/11/2018 ông D nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Nội dung, hình thức, thời hạn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và được tòa án nhân dân huyện N có thông báo chấp nhận miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên kháng cáo của ông D là hợp lệ, được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm. Nguyên đơn Bé Đình D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn, ông D cho rằng do ông T đổ thuốc trừ sâu xuống ao cá nhà ông D dẫn đến bị

thiệt hại về tài sản nên ông Bé Đình D yêu cầu ông Bé Đình T bồi thường tổng số tiền 143.900.000^d (*Một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng*) cho ông D gồm các khoản: Tiền nạo vét, tiêu độc, khử trùng ao; tiền cá giống; tiền công đi lại và mất thu nhập do phải đi lại làm việc với các cơ quan chức năng; tiền do ao bỏ trống từ ngày 14/10/2015 đến nay không nuôi cá được.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án bị đơn ông Bé Đình T khẳng định ông T có được đồ thuốc trừ sâu xuống ao cá nhà ông D và thừa nhận hành vi ông T thực hiện là có lỗi. Tuy nhiên, ông T không nhớ đó là loại thuốc gì và liều lượng bao nhiêu và hành vi của ông T không gây hậu quả dẫn đến thiệt hại về tài sản của ông D nên ông T không chấp nhận bồi thường cho ông D.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bé Đình D không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình như ông D cũng chưa tiến hành nạo vét, tiêu độc, khử trùng ao; giá trị cá giống mua là bao nhiêu; việc thả cá giống là loại cá gì; số lượng là bao nhiêu; cũng như chứng minh sản lượng cá tăng trưởng hàng ngày và giá của cá.

[2.1] Về yêu cầu nạo vét tiêu độc, khử trùng ao số tiền là 52.400.000^d:

- Tại biên bản xác minh ngày 22/10/2018 đối với ông Hoàng Văn Hồng – Trạm trưởng Trạm bảo vệ thực vật huyện N, tỉnh Bắc Kạn về việc xác minh sự phân hủy của thuốc bảo vệ thực vật trong môi trường nước, kết quả xác minh như sau: Thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong trồng trọt nông nghiệp hay thuốc hòa tan trong môi trường tự nhiên được phân hủy rất nhanh từ 15 đến 20 ngày, không gây ảnh hưởng đến con người, thủy sản, môi trường. Nếu đổ trực tiếp thuốc bảo vệ thực vật xuống ao nhỏ, mực nước thấp 25m x 12,5m x 0,35m (dài, rộng, mực nước sâu trung bình) và độ bùn đáy ao 20cm thì ảnh hưởng đến sinh vật là rất lớn (cá chết). Sau khi đổ thuốc bảo vệ thực vật xuống ao với diện tích như vậy thì khoảng 20 ngày có thể nuôi cá được (nếu được tháo nước và vét bùn). Nếu tháo nước và phơi ao khoảng 30 ngày thì có thể nuôi cá được.

- Tòa án nhân dân huyện N đã có công văn số 90/TANS ngày 18/10/2018 gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn đề nghị phối hợp công tác và nhận được công văn trả lời như sau: Đối với thuốc bảo vệ thực vật khi sử dụng phun, xịt lên cây trồng đúng với nồng độ, liều lượng chỉ định thì ngay sau khi phun thuốc các hoạt chất hóa học sẽ bám dính trên cây trồng để tiêu diệt sâu, bệnh. Lượng thuốc này có thể gây độc cho người và gia súc khi ăn các loại củ, quả vừa phun xịt thuốc. Do vậy mỗi loại thuốc bảo vệ thực vật cần có thời gian cách ly khác nhau tùy vào thành phần thuốc. Đối với trường hợp đổ thuốc bảo vệ thực vật xuống ao cá thì không có cơ sở để khẳng định cụ thể thời gian thuốc bảo vệ thực vật đã bị tiêu hủy hết hay chưa, còn tồn dư hay không? Để kết luận

cụ thể cơ quan chuyên môn cần thực hiện phân tích mẫu đất, nước trong ao. Và Tòa án nhân dân huyện N cũng có công văn gửi Viện khoa học hình sự Bộ công an về việc lấy mẫu giám định. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành lấy mẫu đất ao để giám định hàm lượng độc tố nhưng ông D không nhất trí hợp tác.

Như vậy, thời gian xảy ra vụ việc từ năm 2015 đến năm 2018 đã hơn 3 năm, trong thời gian đó ông D không tiếp tục sử dụng nuôi cá, ao bỏ trống, đất phơi khô, không có nước, không tiến hành khử trùng tiêu độc ao. Khi ông yêu cầu bồi thường thì TAND huyện N đã tiến hành lấy mẫu đất ao để giám định hàm lượng độc tố nhưng ông D không nhất trí hợp tác. Do vậy, đối với khoản tiền nạo vét, tiêu độc khử trùng khi ao đã bỏ trống phơi ao được hơn 3 năm nay là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với khoản tiền cá giống $30\text{kg} \times 150.000\text{đ}/1\text{kg} = 4.500.000\text{đ}$: Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2018 ông D khai ông xác định đơn giá cá giống là dựa vào giá thị trường dao động trong tầm giá $150.000\text{đ}/1\text{kg}$ và mua giống cá của người bán hàng rong chứ không mua của cơ sở nuôi cá giống nào. Bản thân ông yêu cầu bồi thường nhưng lại không đưa ra được căn cứ chứng minh giá trị cá giống mua là bao nhiêu? Việc thả cá giống là loại cá gì? Số lượng là bao nhiêu? Hơn nữa, gia đình ông D nuôi cá thì phải tự đầu tư cá giống. Do vậy, đối với khoản yêu cầu về tiền cá giống là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Đối với khoản tiền công đi lại và mất thời gian để giải quyết công việc là $15.000.000\text{đ}$: Yêu cầu này không có cơ sở để chấp nhận vì việc khởi kiện là để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thì đương sự phải có mặt và hợp tác để giải quyết vụ việc. Pháp luật không có quy định số tiền này bị đơn phải bồi thường nên không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Thiệt hại do để trống ao từ ngày 14/10/2015 đến nay không nuôi trồng thủy sản được $900\text{kg} \times 80.000\text{đ}/1\text{kg} = 72.000.000\text{đ}$: Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2018 ông D khai căn cứ để ông xác định sản lượng cá là 900kg, mỗi ngày lượng cá trong ao sinh sản và tăng trọng là 01kg/1ngày, đến nay đã gần 30 tháng nên thiệt hại khoảng 900kg cá, còn giá thì xác định theo giá thị trường là 80.000đ. Ông D không cung cấp được tài liệu chứng minh sản lượng cá tăng trưởng hàng ngày và giá của cá. Theo xác minh, thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong trồng trọt nông nghiệp hay thuốc hòa tan trong môi trường tự nhiên được phân hủy rất nhanh từ 15 đến 20 ngày, không gây ảnh hưởng đến con người, thủy sản, môi trường. Sau khi đổ thuốc bảo vệ thực vật xuống ao với diện tích như vậy thì khoảng 20 ngày có thể nuôi cá được (nếu được tháo nước và vét bùn). Nếu tháo nước và phơi ao khoảng 30 ngày thì có thể nuôi cá được. Trên

thực tế, sau khi cá chết ông D đã cho tháo nước phơi ao đến nay đã hơn 3 năm không canh tác trên diện tích ao đó. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án TAND huyện N tiến hành lấy mẫu giám định độc tố trong ao thì ông D không hợp tác, không cho giám định do vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông D. Như vậy, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, ông D không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông D. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Đối với việc ông Bé Đình D yêu cầu xem xét trách nhiệm của cơ quan cảnh sát điều tra khi làm sai sót dẫn đến thiệt hại cho gia đình của ông D, Hội đồng xét xử xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ án này, do vậy, căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự nội dung này không được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết do vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở bác kháng cáo của nguyên đơn Bé Đình D.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Bé Đình D thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí vì vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm và án dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn Bé Đình D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của BLTTDS; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Bé Đình D về việc yêu cầu ông Bé Đình T bồi thường số tiền 143.900.000^d (Một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng). Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn ông Bé Đình D.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Minh Hương